

Số: /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:
Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện
Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông).**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Báo cáo số 335/BC-HĐTĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng
thẩm định về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:
Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà
(Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông) và Tờ trình số 165/UBND ngày 25 tháng
07 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông về việc đề nghị phê duyệt
kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường từ
Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua
địa phận huyện Tu Mơ Rông), Công văn số 2189/UBND-BQLĐTXD ngày 31 tháng
7 năm 2024 về việc giải trình bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk
Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông) (đã chỉnh sửa, bổ sung);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 243/TTr-STNMT
ngày 06 tháng 8 năm 2024 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường của dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk
Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông) của Ủy ban nhân
dân huyện Tu Mơ Rông (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Đăk Hà,
huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi
trường ban hành kèm theo Quyết định này⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 12 tháng 8 năm 2024.

Điều 2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện, đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; tính trung thực, đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Báo cáo đánh giá tác động môi trường để thực hiện dự án trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, NN&PTNT, Giao thông vận tải (t/h);
- UBND huyện: Tu Mơ Rông (t/h);
- UBND xã Đăk Hà (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (công bố);
- Trang Thông tin điện tử - Sở Tài nguyên và Môi trường (công bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, HTKT, KTTH, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN: ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 40B HUYỆN TU MƠ RÔNG ĐI THÔN 8, XÃ ĐẮK PXI, HUYỆN ĐẮK HÀ (ĐOẠN QUA ĐỊA PHẬN HUYỆN TU MƠ RÔNG)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà (Đoạn qua địa phận huyện Tu Mơ Rông).
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông.
- Đại diện chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tu Mơ Rông.
- Địa chỉ liên hệ: Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.
- Điện thoại: 02603.934.078; Fax: 02603.934.078.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum.
- Dự án có tổng chiều dài xây dựng khoảng 8,0 km (gồm đường và công trình cầu)⁽²⁾, trong đó: (i) Đường giao thông từ Quốc lộ 40B đi thôn 8 Đăk Pxi (huyện Tu Mơ Rông) chiều dài xây dựng các tuyến đường L = 7,2 km, gồm chiều dài các tuyến nhánh trong phạm vi nút giao: Đoạn từ Km0+00 đến Km0+492 (chiều dài L = 0,492 km), đoạn từ Km0+492 - Km6+448,88 (chiều dài L = 5,956 km), các nhánh tuyến trong phạm vi nút giao và các điểm đầu nối với tuyến giao chiều dài xây dựng L = 0,755 km; (ii) Nâng cấp Quốc lộ 40B đoạn từ Km178+400 - Km179+200, chiều dài xây dựng L = 0,8 km.
- Tổng diện tích đất của dự án là 320.000 m² (khoảng 32 ha). Trong đó, Đất thuộc quy hoạch phát triển rừng là 98.362,8 m² [gồm: Diện tích đất rừng trồng có rừng (RTG): 72.800 m²; Diện tích đất rừng tự nhiên thường xanh trung bình (TXB): 1.261,8 m²; Đất trống (DT1; DT2): 24.301 m²]. Đất ngoài quy hoạch phát triển rừng là 221.367,2 m² (theo Biên bản phúc tra đánh giá hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp phục vụ công tác chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Dự án ngày 23 tháng 01 năm 2024) (Kèm theo tại phụ lục Báo cáo).

⁽²⁾ Theo Công văn số 3401/SKHĐT-ĐT ngày 08/11/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án; Công văn số 2238/SGTVT-VP ngày 24/10/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định TKCS và TMDT xây dựng công trình thuộc dự án.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường của dự án không bao gồm: các hạng mục đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư, khai thác nguyên vật liệu phục vụ thi công.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Dự án có tổng chiều dài xây dựng khoảng 8,0 km (gồm đường và công trình cầu), trong đó:

+ Đường giao thông từ Quốc lộ 40B đi thôn 8 Đăk Pxi (huyện Tu Mơ Rông) chiều dài xây dựng các tuyến đường $L = 7,2$ km, gồm chiều dài các tuyến nhánh trong phạm vi nút giao:

++ Đoạn từ Km0+00 đến Km0+492 (chiều dài $L = 0,492$ km): Đường phân khu vực. Bề rộng nền, mặt đường, vỉa hè: $B_n = 13,5$ m, $B_m = 7,5$ m, $B_{vh} = (2 \times 3)$ m = 6 m. Mặt đường bằng bê tông nhựa, bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, ngang. Khổ cầu $B = 13,5$ m, bằng bê tông cốt thép.

++ Đoạn từ Km0+492 - Km6+448,88 (chiều dài $L = 5,956$ km): Đường giao thông nông thôn cấp A. Bề rộng nền, mặt, lề đường: $B_n = 6$ m, $B_m = 3,5$ m, $B_l = (2 \times 1,25)$ m = 2,5 m. Mặt đường bằng bê tông nhựa, bê tông xi măng.

++ Các nhánh tuyến trong phạm vi nút giao và các điểm đầu nối với tuyến giao chiều dài xây dựng $L = 0,755$ km.

+ Nâng cấp Quốc lộ 40B đoạn từ Km178+400 - Km179+200, chiều dài xây dựng $L = 0,8$ km: Đường chính khu vực. Bề rộng nền, mặt đường, vỉa hè, giải phân cách: $B_n = 23$ m, $B_m = (2 \times 7,5)$ m = 15 m, $B_{vh} = (2 \times 3,5)$ m = 7 m, $B_{gpc} = 1$ m. Mặt đường bằng bê tông nhựa, vỉa hè lát gạch, trồng cây xanh; giải phân cách bố trí hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh. Hệ thống thoát nước dọc, ngang bằng bê tông xi măng và bê tông cốt thép.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Lán trại ở công nhân, nhà kho, nhà bếp, nhà vệ sinh; một số hạng mục khác của khu vực lán trại sẽ được nhà thầu bổ sung tùy theo điều kiện thi công của công trình.

1.3.3. Các hoạt động của Dự án đầu tư

- Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, lắp đặt công trường thi công, thi công các hạng mục của dự án, vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động tại công trường, lán trại, hoạt động sinh hoạt của công nhân tại công trường; hoạt động hoàn trả mặt bằng tại các vị trí bố trí công trường, lán trại thi công dọc tuyến.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động bảo trì, duy tu các hạng mục của dự án.

+ Hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng 0,12 ha đất rừng tự nhiên theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, nguy cơ gây ngập úng, xói lở, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

+ Hạng mục thi công cầu: Hoạt động đào đắp hố móng, hoạt động khoan cọc nhồi phát sinh bụi, khí thải...

- Giai đoạn vận hành:

+ Hoạt động duy tu bảo dưỡng tuyến đường phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

+ Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công: Nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ quá trình ăn ở, sinh hoạt của công nhân ngay tại công trường với lưu lượng khoảng 3,2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

+ Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

- Nước thải xây dựng:

+ Giai đoạn thi công: Nước thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy trộn bê tông xi măng với lưu lượng tưới khoảng 3 m³/ngày; nước thải phát sinh từ việc vệ sinh lốp xe với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày; nước thải phát sinh từ việc vệ sinh phương tiện thi công tại chỗ với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là: pH cao, độ đục, chất rắn lơ lửng (SS), dầu nhớt, xi măng, đất, cát.

+ Giai đoạn vận hành: không phát sinh.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất đào đắp ra vào dự án. Thành phần chủ yếu là: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đào, xúc đất, lu lèn tại công trường. Thành phần chủ yếu: TSP, SO₂, NO_x, CO, VOC... ; bụi phát sinh từ quá trình trộn bê tông tại chỗ trong quá trình thi công mặt đường. Thành phần chủ yếu: Bụi xi măng, cát, đá...

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh lượng nhỏ không đáng kể trong quá trình duy tu bảo dưỡng Dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng với khối lượng khoảng 15,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là: Thực phẩm thừa, vỏ hộp xốp đựng đồ ăn, vỏ hộp sữa, vỏ chai đồ uống, vỏ hoa quả, giấy vụn...

+ Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh lượng sinh khối từ dọn dẹp mặt bằng công trường thi công, đất không thích hợp trong quá trình xử lý nền đất yếu với khối lượng khoảng 380.518 m³ và các loại vật liệu dư thừa khác. Thành phần chủ yếu là: Chất thải thực bì, cây cỏ, cành lá, rễ, gốc cây, đất thải, sắt, thép, gỗ, bao bì.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu của máy móc thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển có khối lượng khoảng 135 kg/3 tháng. Thành phần chủ yếu là: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, bao tay.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động duy tu bảo dưỡng tuyến đường với khối lượng không đáng kể.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện giao thông và máy móc thi công, hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng; độ rung phát sinh từ máy lu lèn, máy đầm, máy đào đất.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh của các phương tiện tham gia giao thông có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến.

3.4. Các tác động khác

- Việc thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án có thể xảy ra sự cố sạt lở, xói mòn, rửa trôi bề mặt trong quá trình thi công và vận hành tuyến đường.

- Tác động đến sinh kế của các hộ dân do bị thu hồi đất trồng cây lâu năm; đất trồng cây hàng năm khác.

- Hoạt động đào đắp nền đường; hoạt động thi công các hạng mục công trình trên tuyến, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, ngập úng, xói lở, cháy, nổ.

- Hoạt động tập trung đông công nhân thi công xây dựng sẽ dẫn đến khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Bố trí tại công trường thi công 01 nhà vệ sinh di động, dung tích bể khoảng 2,8 m³ để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể, không xả thải ra môi trường.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt -> nhà vệ sinh di động -> đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể.

+ Nước thải xây dựng: Phát sinh từ quá trình trộn bê tông, vệ sinh máy móc, thiết bị sau khi lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến vị trí đổ thải phế thải xây dựng.

+ Nước mưa chảy tràn: Mặt bằng công trường phải được thiết kế đảm bảo dòng chảy của nước mưa, đưa về các tuyến thoát nước ngang và hợp thủy trên tuyến, không để nước mưa chảy qua khu vực lán trại, nhà kho, khu chứa vật liệu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng tại khu vực thi công, tránh tình trạng khi mưa xuống cuốn trôi các loại bao bì, rác gây ảnh hưởng nguồn nước trong khu vực.

- Giai đoạn vận hành: Không có.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án được thu

gom, xử lý, đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Giải pháp trong công tác vận chuyển đất: Tưới nước trên các cung đường vận chuyển đất từ khu vực đào đến khu vực đổ thải và các khu vực tận dụng làm đất đắp tại chỗ, tần suất tưới nước vào mùa khô không dưới 4 lần/ngày (09 giờ, 11 giờ, 15 giờ và 17 giờ); Sử dụng bạt che phủ phía trên cho các phương tiện vận chuyển thiết bị, nguyên vật liệu xây dựng; hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông vào giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe (<40 km/h) để giảm tối đa tiếng ồn và bụi; sử dụng xe vận chuyển đúng trọng tải quy định đối với các tuyến đường vận chuyển.

+ Giải pháp trong công tác vận chuyển vật liệu thi công: Xe chở xi măng, cát, đá,... cần được phủ bạt kín, chở đúng tải trọng cho phép; tưới nước giảm bụi trên các tuyến đường vận chuyển, tần suất tưới tăng lên trên 4 lần/ngày trong mùa khô; không vận chuyển nguyên vật liệu thi công vào các giờ tan ca, tan tầm và các thời điểm có lưu lượng các phương tiện tham gia giao thông với mật độ lớn.

+ Giải pháp giảm thiểu bụi trong quá trình thi công tại chỗ: Phun nước tưới ẩm với tần suất tối thiểu 03 lần/ngày tại công trường thi công vào những ngày không mưa; thi công đúng tiến độ và lu lèn, đầm chặt dứt điểm từng đoạn cần sang nền đường; ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực dự án để giảm quãng đường vận chuyển và giảm công tác bảo quản nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu tối đa bụi và các chất thải phát sinh cũng như giảm nguy cơ xảy ra các sự cố.

- Giai đoạn vận hành: Định kỳ vệ sinh, thu dọn rác trên tuyến đường. Yêu cầu bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn xây dựng thông thường: Các phế liệu là các chất trơ, không gây độc như gạch vỡ, đất cát dư thừa được tận dụng cho việc san lấp công trình; các phế liệu có thể tái chế hoặc tái sử dụng được như bao bì xi măng, sắt thép dư thừa... thu gom, tái sử dụng; sau mỗi ca làm việc cần phải thu dọn mặt bằng công trường, thu gom và tận dụng các loại vật liệu rơi vãi.

+ Giải pháp đối với đất, đá, phế thải: thiết kế rãnh thoát nước trên bậc mái taluy; thực hiện lu lèn khi đổ thải đến cao độ yêu cầu; gia cố bãi thải bằng phương pháp cơ giới với các thiết bị chuyên dụng như máy đào, xe lu, các vị trí trũng thấp, lu lèn đảm bảo độ chặt cần thiết, hạn chế quá trình cuốn trôi, sạt lở trong mùa mưa; tưới nước giảm bụi tại khu vực đổ đất, tưới nước tại khu vực ra vào bãi chứa và mỗi lớp đất đổ, tần suất tưới không dưới 03 lần/ngày vào mùa khô; Bố trí biển cảnh báo nguy hiểm, có nguy cơ sạt lở tại các vị trí bãi thải.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí tại công trường thi công 02 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt chuyên dụng, có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng và 01 kho chứa chất thải diện tích 12 m² kết cấu đơn giản, mái che bằng tôn, tường chắn xung quanh, không thấm nước và để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Thu gom toàn bộ chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng về vị trí thích hợp, không cản trở giao thông. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom xử lý theo quy định.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí tại công trường thi công 01 nhà kho diện tích khoảng 05 m² xây dựng theo đúng quy định; trong kho bố trí khoảng 01 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy kín dung tích 120 lít và 01 téc chứa dầu thải dung tích khoảng 01 m³ để thu gom, lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Công trình, biện pháp kiểm soát tiếng ồn từ hoạt động thi công xây dựng:

+ Không tập trung các phương tiện và thiết bị thi công cơ giới hoạt động cùng một lúc, tại một vị trí để hạn chế khả năng gây cộng hưởng về tiếng ồn.

+ Các thiết bị và máy móc thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng ký, kiểm định theo quy định.

+ Hạn chế tần suất, mật độ phương tiện vận tải trong giờ cao điểm.

- Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; đèn bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.

4.3.2. *Giai đoạn vận hành*: Không có.

4.3.3. *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. *Phương án cải tạo, phục hồi môi trường*: Không có.

4.4.2. *Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường*

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro sạt lở đất: Thi công các hạng mục công trình theo đúng trình tự thi công và phương án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; không thi công các hạng mục liên quan đến an toàn vào mùa mưa lũ; lắp dựng biển báo hoặc đèn tín hiệu tại những vị trí bị sạt lở hoặc có nguy cơ sạt lở đất để cảnh báo cho phương tiện giao thông và nhân dân trong khu vực biết để tránh. Tuyệt đối không tập kết vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị, làm lán trại gần bờ sông, bờ suối, chân taluy cao, nơi trũng thấp có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất.

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: Tuân thủ quy định về phòng chống cháy nổ; xăng dầu được lưu giữ trong các kho riêng biệt; bố trí bình cứu hỏa tại công trường và khu vực lưu trữ xăng dầu; có các nội quy, các biển báo như nghiêm cấm dùng lửa ở những nơi cấm lửa, hoặc gắn chất dễ cháy; tập huấn, tuyên truyền cho công nhân về phòng chống cháy nổ.

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố an toàn giao thông: Phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực; lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại khu vực thi công ban đêm.

+ Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro do sự cố ngập úng, xói mòn: Tạo các rãnh thoát nước trên các tuyến đường và toàn bộ công trường; lắp đặt các biển báo, rào chắn tại các hố thu nước nhằm đảm bảo an toàn trong mùa mưa; đẩy nhanh tiến độ thi công tại các đoạn tuyến đi qua tự thủy, khe suối. Quá trình thi công phải thực hiện dẫn dòng, đảm bảo dòng chảy tự nhiên các khe suối, không để xảy ra tình trạng tù đọng nước.

+ Biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng: Quản lý lực lượng cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án nhằm đảm bảo trật tự an ninh và phòng chống cháy rừng trong quá trình triển khai dự án; phổ biến pháp luật, kiến thức phòng cháy và chữa cháy rừng cho công nhân tại công trường; phối hợp với đơn vị chủ rừng và kiểm lâm địa phương thực hiện nội quy về phòng cháy và chữa cháy rừng và tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về phòng cháy và chữa cháy rừng theo thẩm quyền.

- Giai đoạn vận hành: Biện pháp giảm thiểu nguy cơ ngập úng, cản trở thoát lũ: thiết kế, thi công hệ thống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến đảm bảo khả năng thoát nước; độ cao nền đường, thủy văn cầu, cống được tính toán.

4.4.3. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thường xuyên thu gom chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét hệ thống hố ga, rãnh thoát nước tại công trường thi công, dọc tuyến thi công và tuyến đường công vụ, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

- Tháo dỡ các lán trại tại công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; thanh thải lòng suối khu vực thi công xây dựng cầu; san gạt, đầm nén tại các vị trí công trường đáp ứng yêu cầu và bàn giao lại cho địa phương tiếp tục quản lý và sử dụng.

- Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái: chỉ tiến hành thực hiện các hoạt động thi công trong phạm vi giải phóng mặt bằng; thu dọn sạch cành cây, vỏ cây,... phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Giám sát trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. *Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại*

- Vị trí giám sát: Tất cả các vị trí có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, thùng chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục trong suốt giai đoạn thi công.

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại chất thải; biện pháp thu gom, vận chuyển đất, đá, vật liệu thải, phế thải; phương án vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công; hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

5.1.2. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: Mẫu không khí tại vị trí bãi thải tại Km2+750 của tuyến thiết kế; Mẫu không khí tại vị trí bãi thải tại Km4+600 của tuyến thiết kế.

- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, bụi lơ lửng, SO₂, NO_x, CO, độ ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt giai đoạn thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: Mẫu nước mặt tại suối thuộc Km0+357 của tuyến thiết kế.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, TSS, DO, Nitrat, Nitrit, Clorua, Tổng Coliform, E.Coli.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần trong suốt thời gian thi công.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt - Mức B.

5.1.4. Giám sát vận chuyển, đổ thải

- Vị trí: Tại tất cả những vị trí có phát sinh đất, đá, phế thải; giám sát việc vận chuyển đổ thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục trong suốt giai đoạn thi công.

- Thông số giám sát: Khối lượng; tuyến đường vận chuyển; biện pháp đảm bảo môi trường trong quá trình vận chuyển đổ thải.

- Các yêu cầu: Nhà thầu thi công thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, cụ thể:

- + Lập kế hoạch quản lý chất thải rắn xây dựng và lồng ghép vào kế hoạch tổng hợp về an toàn, trình chủ đầu tư chấp thuận trước khi triển khai thi công xây dựng.

+ Thực hiện các biện pháp thực hiện theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn trong xây dựng: QCVN 10:2014/BXD - Ban hành kèm theo thông tư số 14/2014/TT-BXD ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

5.1.5. Giám sát đa dạng sinh học

- Thực hiện giám sát phạm vi thi công công trình, ranh giới chiếm dụng đất, tận thu lâm sản và hoàn trả mặt bằng thi công. Giám sát hoạt động của công nhân và các quy định bảo vệ đa dạng sinh học trên khu vực.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt giai đoạn thi công.

5.1.5. Giám sát khác

- Thực hiện giám sát sụt lún, sạt lở tại các vị trí có nguy cơ sạt lở tại vị trí thi công các công trình cầu, các bãi đổ thải và tại những vị trí đào sâu, đắp cao dọc tuyến đường thi công.

- Giám sát việc bố trí lán trại tạm phải đảm bảo tuyệt đối an toàn, tránh các khu vực đào sâu, đắp cao, các khu vực có cơ sạt lở.

- Giám sát thực hiện các giải pháp hạn chế tiếng ồn, độ rung khi thi công. Giám sát tình trạng gây nứt một số nhà dân trên tuyến; ảnh hưởng Trung tâm Y tế huyện, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên... nằm gần phạm vi dự án.

- Giám sát chặt chẽ việc thi công, đổ thải của nhà thầu thi công tránh làm đất chảy tràn vào dòng chảy tự nhiên, làm ảnh hưởng đến đất canh tác của người dân.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt giai đoạn thi công.

5.2. Giám sát trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát công trình

- Vị trí giám sát: Dọc tuyến và các công trình trên tuyến của dự án.

- Thông số giám sát: Độ biến dạng nghiêng, lún, nứt, võng.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần trong vòng 24 tháng sau khi dự án đi vào vận hành chính thức.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo vệ công trình xây dựng.

5.2.2. Giám sát sạt lở

- Vị trí giám sát: Dọc tuyến và tại vị trí đào sâu, đắp cao.

- Thông số giám sát: Sạt lở; sự bền vững và ổn định nền

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần trong vòng 24 tháng sau khi dự án đi vào vận hành chính thức.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Đa dạng sinh học,... chỉ được triển khai thi công, xây dựng dự án sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai và giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án; lắp đặt biển báo, mốc giới thi công và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa tạm, bãi đổ thải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thi công xây dựng công trình nếu có nhu cầu thu hồi khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình để phục vụ thi công công trình thì lập thủ tục đề nghị thu hồi khoáng sản trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định. Nghiêm cấm mọi hành vi khai thác, sử dụng khoáng sản trái phép để phục vụ thi công công trình.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động đã gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo, phối hợp xử lý. Chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm, sự cố môi trường do hoạt động triển khai của dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị theo các ý kiến đã tham vấn và những yêu cầu của Công ty TNHH MTV InnovGreen Kon Tum, Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam, người dân xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư đính kèm Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

* Chủ dự án phải chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác, trung thực đối với các số liệu, tài liệu nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trong quá trình triển khai xây dựng và hoạt động của dự án yêu cầu Chủ dự án thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản, Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Xây dựng... và các quy định của pháp luật khác có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường, gây sự cố môi trường ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh./
